TRA VINH UNIVERSITY
SCHOOL OF SOUTHERN KHMER LANGUAGE, CULTURE AND ARTS

ISO 9001 : 2015

ĐẶC TẢ CHƯƠNG TRÌNH
THEO BỘ TIÊU CHUẨN AUN - QA PHIÊN BẢN 3.0

CỬ NHÂN NGÔN NGỮ KHMER

ASEAN University Network

AUN-QA
A Touch of Quality

TRA VINH UNIVERSITY
No. 126, Nguyen Thien Thanh, Part 4, Ward 5, Tra Vinh City, Tra Vinh province, Vietnam
Telephone: (+84).294.3855246; Fax: (+84):294.3855.217
Email: tvu@tvu.edu.vn

1. Thông tin chương trình

Tên chương trình

Cử nhân Ngôn ngữ Khmer

Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Đại học (Bậc 6)

Cơ sở cấp bằng	Cơ sở giảng dạy
Trường Đại học Trà Vinh	Trường Đại học Trà Vinh

Khoa quản lý:

Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa – Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Trang web Khoa:

https://lca.tvu.edu.vn/

Tên bằng cấp

Cử nhân Ngôn ngữ Khmer

Mã ngành

7220106

Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét kết quả Kỳ thi THPT quốc gia là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; điểm sàn của Trường ĐHTV (Điểm sàn, thường tổng điểm 3 môn khối thi >=15), các tổ hợp môn xét tuyển:

C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

- Phương thức 2: Trường sử dụng điểm trung bình chung (điểm tổng kết) năm học lớp 12 của từng môn học trong tổ hợp môn xét tuyển. Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại Trung bình trở lên.

- Phương thức 3: Xét tuyển sử dụng kết quả của Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Thí sinh sử dụng kết quả của kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh tổ chức để tham gia xét tuyển phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo ngành xét tuyển (có học lực lớp 12 xếp loại Trung bình trở lên) và có tổng điểm thi bài thi đánh giá năng lực từ 600 điểm trở lên.

- Phương thức 4: Tuyển thẳng các học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế.

Thời gian đào tạo, loại hình và phương thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Loại hình đào tạo	Thời gian bắt đầu năm học	Phương thức dạy học
Cử nhân Ngôn	3.5 năm	Chính quy	9	Học trực tiếp, Học E-

ngữ Khmer				learning
Ngôn ngữ đào tạo				
Tiếng Việt, Tiếng Khmer				
Ngôn ngữ đánh giá				
Tiếng Việt, Tiếng Khmer				

2. Chương trình được công nhận bởi chuyên môn, luật định và các qui định:

Luật giáo dục đại học

3. Người quản lý chương trình đào tạo:

Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Kiều Tiên, Nguyễn Thị Thoa, Thach SaPhone

4. Cơ hội việc làm

- Nhân viên văn phòng, Biên tập viên tại các cơ quan Báo chí, phát thanh, truyền hình; các công ty du lịch, lữ hành; bệnh viện; công ty thương mại,… trong và ngoài nước có nhu cầu sử dụng tiếng Khmer.
- Nhân viên tại các cơ quan chính trị, đoàn thể xã hội ở những vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống.
- Giáo viên giảng dạy tiếng Khmer.
- Nghiên cứu viên ngôn ngữ Khmer ở các viện, trường, trung tâm nghiên cứu.
- Tự tổ chức công việc, nghề nghiệp (mở công ty dịch thuật, kinh doanh,…)

5. Mục tiêu và kết quả mong đợi của chương trình đào tạo

5a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy học

Triết lý chương trình là học qua trải nghiệm "Learning by doing", đào tạo con người toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có đạo đức, có sức ảnh hưởng và mang lại thay đổi tích cực cho cộng đồng.

Chương trình thực hiện triết lý này thông qua ba nguyên lý:

1) Việc học chỉ thực sự bắt đầu nếu người học có tâm thế hướng đến học tập, chủ động tạo ra kiến thức từ kinh nghiệm của họ.
2) Người có thể phấn đấu đến mức xuất sắc nhất trong bất kỳ thời điểm nào của cuộc đời.
3) Người bảo tồn, phát triển ngôn ngữ, văn hóa Khmer; đóng góp hữu ích cho cộng đồng địa phương, quốc gia và quốc tế.

Người học được tham gia học tập và làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, qua đó họ ứng dụng kiến thức được học tại trường vào thực tiễn, khám phá kiến thức mới, phát triển tư duy sáng tạo và hình thành năng lực nghề nghiệp.

5b. Mục tiêu chương trình

PO 1	Biên, phiên dịch tiếng Khmer - Việt, Việt - Khmer ở tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, y tế, giáo dục, khoa học,… ở trong nước và quốc tế.
PO 2	Nghiên cứu, giảng dạy, quản lí, tư vấn về ngôn ngữ học, ngôn ngữ Khmer và văn hóa Khmer.
PO 3	Phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc ngôn ngữ Khmer cũng như các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ học và các ngành khoa học xã hội nhân văn khác một cách khoa học, sáng tạo, trách nhiệm và có đạo đức.
PO 4	Thể hiện ý thức học tập nâng cao năng lực, trình độ để phát triển bản thân, nghề nghiệp.
5c. Kết quả mong đợi của chương trình	
ELO 1	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học, xã hội và nhân văn, tin học để đáp ứng các công việc liên quan đến ngôn ngữ Khmer.
ELO 2	Thiết lập các hoạt động giao tiếp, nghiên cứu thể hiện năng lực tiếng Khmer.
ELO 3	Áp dụng kiến thức, kĩ năng dịch thuật vào hoạt động biên, phiên dịch Khmer – Việt, Việt – Khmer.
ELO 4	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học và ngôn ngữ Khmer để phát hiện, nghiên cứu, tư vấn giải quyết các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ - dân tộc.
ELO 5	Vận dụng tư duy phân tích, phán đoán, phản biện và giải quyết vấn đề để giải quyết công việc trong các bối cảnh nghề nghiệp và xã hội.
ELO 6	Làm việc độc lập và lãnh đạo nhóm, quản lí dự án nghiên cứu, đào tạo ngôn ngữ đạt mục tiêu đề ra.
ELO 7	Giao tiếp đa phương tiện, đa phương thức, đa văn hoá một cách hiệu quả.
ELO 8	Dịch được các ngữ liệu tiếng Anh thuộc chuyên ngành ngôn ngữ học một cách hiệu quả.
ELO 9	Sử dụng thành thạo bốn kĩ năng ngôn ngữ: Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Khmer.
ELO 10	Sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông phục vụ các công việc, nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành một cách hiệu quả.
ELO 11	Tuân thủ luật pháp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thể hiện ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa gắn với ngôn ngữ của cộng đồng dân tộc Khmer.
ELO 12	Định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện ham muốn khởi nghiệp và học tập suốt đời.
5.d. Đặc trưng chương trình	
i) Quốc tế hóa/Toàn cầu hóa	
Chương trình nhằm trang bị cho SV những năng lực làm việc trong ngành Ngôn ngữ Khmer đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước, tương thích với tiêu chuẩn khu vực. Chương trình có các sinh viên tham gia học tập trong khu vực ASEAN (Campuchia). Sinh viên sau khi ra trường được tư vấn, giới thiệu việc làm ở Campuchia, tạo sự gắn kết và mở rộng môi trường giao tiếp đa văn hóa.	

ii) Đối tượng được tham gia
Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt dân tộc, giới tính, tình trạng khuyết tật

6. Điểm tham chiếu và quy định của chương trình
Chương trình đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (2016) (Quyết định Số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016) Chương trình được đối sánh và tinh lọc các nội dung tốt nhất trong các chương trình có uy tín của quốc gia (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Hoa Sen) và các chương trình khu vực (Trường ĐH tổng hợp Hoàng gia Phnôm Pênh, Viện Hàn lâm Campuchia) và quốc tế (Đại học La Trobe University (Úc))
Tích lũy số học phần và số lượng tín chỉ của chương trình đào tạo quy định Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học từ 2 trở lên Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất Có chứng chỉ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương, hoặc vượt qua 4 học phần Anh văn không chuyên; kỹ năng mềm (5 chứng chỉ)

7. Cấu trúc chương trình phân bổ qua các học kỳ

7.a. Cấu trúc chương trình

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ
HỌC KÌ 1			**18**
Bắt buộc			16
1.	190000	*Giáo dục thể chất 1**	1
2.	195003	*Giáo dục Quốc phòng- An ninh*	165 tiết
3.	410291	Anh văn không chuyên 1	3
4.	180050	Triết học Mác – Lênin	3
5.	220220	Tin học ứng dụng cơ bản	3
6.	410177	Dẫn luận ngôn ngữ học	2
7.	200325	Tiếng Khmer cơ bản 1	3
8.	290000	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
Tự chọn			2
1.	200000	Tiếng Việt thực hành	2
2.	200057	Môi trường và phát triển	2
3.	640033	Logic học đại cương	2

4.	200020	Mĩ học đại cương	2
5.	200003	Tâm lí học đại cương	2
HỌC KÌ 2			**17**
Bắt buộc			15
1.	190001	*Giáo dục thể chất 2**	1
2.	410302	Anh văn không chuyên 2	4
3.	180051	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
4.	450015	Pháp luật đại cương	2
5.	200326	Tiếng Khmer cơ bản 2	3
6.	170123	Ngôn ngữ học xã hội	2
7.	200327	Ngôn ngữ và văn hóa	2
Tự chọn			2
1.	170003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
2.	170047	Xã hội học đại cương	2
3.	450004	Nhân học đại cương	2
4.	170006	Văn hóa giao tiếp	2
HỌC KÌ 3			**18**
Bắt buộc			14
1.	190002	*Giáo dục thể chất 3**	1
2.	180052	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
3.	410293	Anh văn không chuyên 3	3
4.	200385	Tiếng Khmer cơ bản 3	3
5.	200079	Ngữ âm học tiếng Khmer	2
6.	200083	Lí thuyết dịch	2
7.	170095	Xử lí văn bản tiếng Khmer trên máy tính	2
Tự chọn			4
1.	200329	Phong tục và lễ hội Khmer Nam Bộ	2
2.	170133	Lịch sử ngôn ngữ Khmer	2
3.	170096	Văn minh Khmer	2
4.	200338	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	2
HỌC KÌ 4			**20**
Bắt buộc			16
1.	410294	Anh văn không chuyên 4	3

2.	180001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3.	200330	Tiếng Khmer nâng cao 1	3
4.	200383	Pali căn bản	3
5.	200384	Ngữ pháp tiếng Khmer	3
6.	200129	Thực hành dịch 1	2
Tự chọn			4
1.	170099	Chữ Khmer cổ	2
2.	170104	Loại hình ngôn ngữ	2
3.	200343	Ngôn ngữ học và phương pháp dạy học ngoại ngữ	2
4.	200340	Ngôn ngữ học ứng dụng	2
5.	170118	Ngôn ngữ văn chương	2
HỌC KÌ 5			**19**
Bắt buộc			17
1.	180053	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
2.	200334	Tiếng Khmer nâng cao 2	3
3.	200083	Từ vựng học tiếng Khmer	2
4.	200121	Ngữ nghĩa học tiếng Khmer	2
5.	200220	Thực hành dịch 2	2
6.	170103	Viết Khmer 1	2
7.	170114	Ngôn ngữ báo chí	2
8.	170120	Điền dã ngôn ngữ học	2
Tự chọn			2
1.	170058	Nghiệp vụ du lịch	2
2.	170057	Nghiệp vụ văn phòng	2
3.	470078	Tổ chức sự kiện	2
4.	200333	Kĩ năng thuyết trình	2
5.	200242	Kĩ năng tư duy	2
HỌC KÌ 6			**18**
Bắt buộc			14
1.	170108	Viết Khmer 2	2
2.	200336	Tiếng Khmer nâng cao 3	2
3.	200385	Thực hành dịch 3	2
4.	200337	Ngôn ngữ học đối chiếu	2

5.	170122	Ngữ dụng học	2
6.	220020	Kĩ năng tiếp cận và phát triển nghề nghiệp	2
7.	200345	Dự án nghiên cứu ngôn ngữ	2
Tự chọn			4
1.	200341	Phương ngữ học tiếng Khmer	2
2.	200338	Thành ngữ học và thành ngữ Khmer	2
3.	170105	Từ pháp học tiếng Khmer	2
4.	170107	Cú pháp học tiếng Khmer	2
5.	200344	Ngôn ngữ học tri nhận	2
HỌC KÌ 7			**10**
Bắt buộc			3
1.	170119	Thực tập cuối khóa	3
Tự chọn			7
1.	000004	Khóa luận tốt nghiệp	7
2.	200360	- *Từ điển học*	3
	200242	- *Chính sách Ngôn ngữ văn hóa dân tộc ở Việt Nam*	2
	200348	- *Phong cách học tiếng Khmer*	2

7.b. Danh sách khóa học tùy chọn

Xem phân bổ học kì ở trên

7.c. Giảng dạy, học tập và đánh giá sinh viên

i) Liên hệ với giảng viên:

Chương trình thiết kế 120 tín chỉ, 56 lý thuyết, 64 thực hành. Trong đó, ở mỗi môn học giảng viên đều kết hợp giảng dạy qua hệ thống E-learning, tại đây sinh viên có thể tương tác trực tuyến với giảng viên mọi nơi, mọi lúc. Giảng viên có thể đưa lên các bài tập tình huống, bài tập thảo luận hoặc chuyên đề nhằm giúp sinh viên có thể thực hiện tại nhà và gửi câu trả lời qua hệ thống. Ngoài ra, đối với các môn học chuyên ngành, hầu hết giảng viên đều cho sinh viên thực hiện các project, qua đó hình thành ý thức tự học ở mỗi sinh viên, nhóm sinh viên, nâng cao các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm. Sinh viên còn được thực hiện các mô hình khởi nghiệp, thực tập ở các vị trí nghề nghiệp tại các cơ sở thực tập, qua đó hình thành năng lực, ý thức, đạo đức nghề nghiệp.

ii) Tự học tập và nghiên cứu của sinh viên

Trường có kho tài liệu trực tuyến nhằm giúp sinh viên tìm kiếm những tài liệu liên quan đến học tập: https://lrc.tvu.edu.vn/

Tủ sách hữu nghị Canada - Việt Nam do mạng lưới giáo dục Canada - Việt Nam và tỉnh Trà Vinh xây dựng thuộc Trung tâm Văn hoá Miền Tây

Giảng viên cũng có đăng tải các tài liệu, hình ảnh, video liên quan đến môn học mình giảng

dạy qua hệ thống E-learning nhằm tạo nguồn học liệu trực tuyến cho sinh viên.

iii) Đánh giá kết thúc

Các học phần được giảng dạy ở mức giới thiệu thì được đánh giá qua trả lời các câu hỏi ngắn, thuyết trình, thi vấn đáp, thi viết

Các học phần giúp sinh viên rèn luyện và củng cố thì đánh giá qua việc cho sinh viên thuyết trình (rubric đánh giá thuyết trình), bài tập tình huống, bài tập nhóm, rubric đánh giá sản phẩm

Ngoài ra, đối với các môn chuyên ngành sinh viên còn được đánh giá qua việc thực hiện project, mỗi project giảng viên sẽ đưa ra các rubric đánh giá về hoạt động nhóm, thái độ, nội dung và sản phẩm,…

Đối với đồ án tốt nghiệp, sinh viên báo cáo trước Hội đồng và được đánh giá vào phiếu chấm đồ án bao gồm đánh giá về nội dung, hình thức, tác phong và thái độ trả lời câu hỏi.

8. Đóng góp của đội ngũ giảng viên bên ngoài

Chương trình có các chuyên gia từ các cơ quan, doanh nghiệp, viện và các trường đại học khác đến giảng dạy. Dựa trên nhu cầu của chương trình đào tạo, Khoa có kế hoạch hợp tác và mời giảng viên giảng dạy. Giáo viên khởi nghiệp từ các doanh nghiệp, trường đại học và học viện được tổ chức thành các môn học chuyên ngành và họ giảng dạy như một giảng viên. Trường cung cấp các quy định hoạt động cho giáo viên. Họ tích cực giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của học sinh dựa trên các quy định như điểm, phiếu tự đánh giá, sản phẩm, ...

9. Học trải nghiệm

9.a. Hình thức hỗ trợ học trải nghiệm cho sinh viên

Chương trình cung cấp cơ hội học tập thông qua công việc thực tế tại địa bàn, cơ quan, doanh nghiệp. Khóa học có 4 đợt sinh viên được tiếp cận thực tế tại địa bàn, cơ quan, doanh nghiệp, gồm: *Điền dã ngôn ngữ học, Dự án nghiên cứu ngôn ngữ, Thực tập cuối khóa, Khóa luận tốt nghiệp*

9.b. Bắt buộc hay tùy chọn?

Bắt buộc

9.c. Mô tả

Nhằm giúp sinh viên quan sát được hoạt động trong ngành Ngôn ngữ Khmer, chương trình được thiết kế với học phần:

- Điền dã ngôn ngữ học: sau khi học hết các học phần đại cương và một số học phần cơ sở ngành, sinh viên được giới thiệu và đi thực địa ở các địa bàn có đặc thù về ngôn ngữ Khmer; sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức, kĩ năng cần thiết cho việc điều tra điền dã ngôn ngữ học tại thực địa, từ đó hình hành ý thức, định hướng nghề nghiệp.
- Dự án nghiên cứu ngôn ngữ: sinh viên được tạo cơ hội làm quen với công tác nghiên cứu khoa học ngôn ngữ một cách thực thụ. Sinh viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ học nói chung, ngôn ngữ Khmer nói riêng mà mình quan tâm. Đây là cơ hội để sinh viên vận dụng những kiến thức đã học về ngôn ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn học tập, từ đó giúp sinh viên bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học ngôn ngữ học.

- Thực tập cuối khóa: sinh viên được tổ chức tiếp cận với thực tế nghề nghiệp, như: nhân viên văn phòng, biên phiên dịch, nghiên cứu,… để bổ sung kiến thức, kinh nghiệm cũng như rèn luyện, phát triển kĩ năng giao tiếp tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công đồng, ngôn ngữ và văn hoá Khmer. Từ đó giúp sinh viên định hướng đúng đắn và có thái độ tích cực cho nghề nghiệp trong tương lai.
- Khóa luận tốt nghiệp: sinh viên được củng cố các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức, kĩ năng đã được rèn luyện để thực hiện nghiên cứu chuyên sâu một đề tài cụ thể thuộc chuyên ngành ngôn ngữ Khmer, qua đó hình thành kỹ năng xử lý các thông tin, số liệu, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc nghiên cứu.

9.d. Ai là người chịu trách nhiệm tìm nguồn cung ứng và sắp xếp vị trí?

Bộ môn phân công giảng viên lập kế hoạch, liên hệ địa điểm, chọn lọc địa điểm thích hợp và sắp xếp số lượng sinh viên đến từng địa bàn, cơ quan, doanh nghiệp thông qua sự kiểm duyệt của Bộ môn và Khoa. Bên cạnh đó, các giảng viên trong Bộ môn sẽ hỗ trợ tìm địa điểm, doanh nghiệp và tham gia hướng dẫn và giám sát từng nhóm sinh viên trong quá trình các em thực tập, nghiên cứu, khảo sát tại địa bàn, cơ quan, doanh nghiệp nhằm kịp thời liên hệ, giám sát và hỗ trợ cho sinh viên.

9.e. Thời gian học tập dựa trên công việc?

Chương trình được thiết kế 7 học kỳ trong đó có 3 học kỳ sinh viên đi khảo sát, nghiên cứu, thực tập tại địa bàn, cơ quan, doanh nghiệp.

9.f. Đánh giá việc học tập dựa trên công việc?

Ngoài việc trở thành một nhân viên thực tế làm việc trong doanh nghiệp, sinh viên cũng phải thực hiện chủ đề thực tế được đưa ra bởi các chuyên gia tại cơ quan, doanh nghiệp. Kết quả đánh giá modules này là sự tham gia của người hướng dẫn tại doanh nghiệp và hội đồng 2 thành viên, trong đó có giảng viên hướng dẫn. Điểm số là điểm trung bình của 3 điểm trên, theo các thành phần: Điểm của quá trình thực tập tại doanh nghiệp, điểm sản phẩm và báo cáo.

10. Sinh viên tham gia cải tiến phát triển chương trình

Sinh viên năm cuối và cựu sinh viên được mời tham gia vào Hội đồng tư vấn chương trình

Mỗi 4 năm hoặc những đợt thay đổi chung cho toàn trường, Khoa phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học, Phòng Đảm bảo Chất lượng, Phòng Đào tạo tổ chức Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến chương trình: chỉnh sửa Chuẩn đầu ra, CTĐT

Mỗi 2 năm, Khoa phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học, Phòng Đảm bảo Chất lượng, Phòng Đào tạo tổ chức Hội nghị lấy ý kiến cựu sinh viên để thu thập ý kiến đóng góp nhằm cái tiến chương trình: Đóng góp ý kiến cho toàn CTĐT, Điểm mạnh/yếu và mức độ phù hợp của CTĐT, xu thế phát triển của ngành nghề

Ngoài ra mỗi năm định kỳ khảo sát và workshop đối với cựu sinh viên (hàng năm), Tracer program (Từng học kỳ), Workshop và Seminar (từng năm học)

11. Chuyển ra hoặc vào chương trình

11.a. Có thể chuyển đổi giữa các ngành học	Có	

gần vào học chương trình Ngôn ngữ Khmer được không?		
11.b. Có thể chuyển đổi từ ngành Ngôn ngữ Khmer sang các ngành học gần được không?	Có	

11.c. Cơ hội học tập nâng cao trình độ/trao đổi sinh viên (quan tâm đến khu vực Đông Nam Á)

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình có thể tiếp tục học sau đại học tại các viện, trường trong và ngoài nước. Sinh viên sau khi hoàn thành 1 năm của chương trình có thể đi du học Campuchia theo diện học bổng Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Campuchia.

12. Chất lượng và tiêu chuẩn

1. Đào tạo theo nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động với sự tham gia của các bên liên quan.

2. Người học là đối tượng trung tâm luôn được đảm bảo quyền lợi tốt nhất trong học tập, nghiên cứu khoa học, cơ hội việc làm và các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường.

3. Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và các đối tác trong và ngoài nước.

4. Duy trì và phát triển môi trường làm việc công khai, minh bạch, đảm bảo mọi thành viên của nhà trường được phát huy tối đa năng lực của mình.

5. Duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ trên nền tảng Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001 và tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của quốc gia và quốc tế.

6. Vận dụng linh hoạt và phát triển mô hình Trường Cao đẳng – Đại học cộng đồng Bắc Mỹ.

13. Ngày cập nhật

19/3/2020

14. Ma trận kết quả mong đợi của chương trình

Học kì	Tên học phần	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
I	*Giáo dục thể chất 1**	M				M							M
I	*Giáo dục Quốc phòng- An ninh*	H				M						M	M
I	Anh văn không chuyên 1	L			M		M	M	M			M	
I	Triết học Mác – Lênin	H				H	L					M	M
I	Tin học ứng dụng cơ bản	H					M	H				M	M
I	Dẫn luận ngôn ngữ học		M	M	H	M	M	M		M	L	M	
I	Tiếng Khmer cơ bản 1		L	L	M	M	M			M			H
I	Phương pháp nghiên cứu khoa học	M	M		H	M	M	H			H	M	M
I	Tiếng Việt thực	M		M			M	H			M	M	M

	hành												
I	Môi trường và phát triển	M				M	M					M	
I	Logic học đại cương	M	M	M		H	M	M				L	
I	Mĩ học đại cương	M			M	M	L	M			M	H	
I	Tâm lí học đại cương	M				M	M				L		M
II	*Giáo dục thể chất 2**	H				M							M
II	Anh văn không chuyên 2	L			M		M	M	H			M	
II	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H				H	L					M	M
II	Pháp luật đại cương	M				M		M			M	H	
II	Tiếng Khmer cơ bản 2		H	M	H	M	M	L	L	H	L	M	
II	Ngôn ngữ học xã hội		M		H	M	M		M	M	L	M	M
II	Ngôn ngữ và văn hóa	M			H	M				H	M	M	
II	Cơ sở văn hóa Việt Nam	H			M	M	M	H	M			M	
II	Xã hội học đại cương	M	H			M		M		M	M	M	L
II	Nhân học đại cương	M				M		M				M	M
II	Văn hóa giao tiếp	M			M	M	M	L	L			M	
III	*Giáo dục thể chất 3**	H				M							M
III	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H				H	L					M	M
III	Anh văn không chuyên 3	M			M		M	M	H			M	
III	Tiếng Khmer cơ bản 3	L	M		M	H	H	L		M	H	M	H
III	Ngữ âm học tiếng Khmer		M	M	H		L			L		M	M
III	Lí thuyết dịch	M	M	M	M			M	M	M	M	H	M
III	Xử lí văn bản tiếng Khmer trên máy tính	H			M	M	L	M			H	M	
III	Phong tục và lễ hội Khmer Nam Bộ	M	M		H	M	M	M		L	M	M	
III	Lịch sử ngôn ngữ Khmer	M	M		M	M				M		M	M
III	Văn minh Khmer	L	M		M		M			M		M	M
III	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	L		H		H	H			H		M	
IV	Anh văn không chuyên 4	M			M		M	M	H			M	

IV	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H				H	L					M	M
IV	Tiếng Khmer nâng cao 1	L	L	H	M	M	M			H	H	M	
IV	Pali căn bản		M	M	M	H	M			H		M	
IV	Ngữ pháp tiếng Khmer		M		H	M	M			M	M	H	
IV	Thực hành dịch 1		M	H	M							M	L
IV	Chữ Khmer cổ				H					M		H	M
IV	Loại hình ngôn ngữ				H	M	M	M	M			M	L
IV	Ngôn ngữ học và phương pháp dạy học ngoại ngữ	H	M		M		M	M		M	M	M	M
IV	Ngôn ngữ học ứng dụng				H	M	L		L			M	M
IV	Ngôn ngữ văn chương			M	M					M		L	L
V	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H				H	L					M	M
V	Tiếng Khmer nâng cao 2	M	M	M	M	M	H	H	M	M		M	M
V	Từ vựng học tiếng Khmer	M	H		H	M	M			H		M	
V	Ngữ nghĩa học tiếng Khmer	M		M	H	M	M		L	M	M	M	
V	Thực hành dịch 2	L	H	H	H	H	M			H	M	H	M
V	Viết Khmer 1	L	H	H	H	H	H					H	
V	Ngôn ngữ báo chí	M	M	H	H	M	H	M	M	H	M	H	H
V	Điền dã ngôn ngữ học	M	M		H	L				M	M	M	
V	Nghiệp vụ du lịch	M	M			H	M	M	M		M	M	H
V	Nghiệp vụ văn phòng	M				M				M	H	M	M
V	Tổ chức sự kiện	M				L			H	H		M	M
V	Kĩ năng thuyết trình	M			L	H	M				M		M
V	Kĩ năng tư duy	M			L	H	M	M			M		M
VI	Viết Khmer 2	L	L	M	H	M	H	M			M	M	M
VI	Tiếng Khmer nâng cao 3		H	M	H	H	H	L		M	L	M	M
VI	Thực hành dịch 3			H	M	M		H	M		M		M
VI	Ngôn ngữ học đối chiếu		M		H	M	M		M	M		M	M
VI	Ngữ dụng học	M			H			L	M	M		M	M
VI	Kĩ năng tiếp cận và phát triển nghề nghiệp	M				M	M	M			M	M	H
VI	Dự án nghiên cứu ngôn ngữ	M	H	H	H	H	H	M	L	H	M	M	H
VI	Phương ngữ học	M	M		M	M	M	M		M	H	M	M

	tiếng Khmer												
VI	Thành ngữ học và thành ngữ Khmer	H			M		M	M		M	M	M	
VI	Từ pháp học tiếng Khmer		H		H	M	M			M		M	
VI	Cú pháp học tiếng Khmer	M	M		M		M			H		M	M
VI	Ngôn ngữ học tri nhận	M			M	M	M				M	M	
VII	Thực tập cuối khóa	H	H	H	H	H	M	M	M	H	H	H	H
VII	Khóa luận tốt nghiệp	M	H	H	H	M	M	H	M	M	H	M	M
VII	*- Từ điển học*		M	H	H	M	M		L	M	M	M	M
VII	*- Chính sách Ngôn ngữ văn hóa dân tộc ở Việt Nam*	M			M	M	M	M			M	M	H
VII	*- Phong cách học tiếng Khmer*		H		H		H	H	L	H		M	H

15. Course description

1. Physical Education

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

2. National educational defence

Điều kiện tiên quyết: Không

Sau khi học xong chương trình giáo dục Quốc phòng và An ninh sinh viên có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và anh ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn. (Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Non-majored English 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này giúp sinh viên bắt đầu làm quen với tiếng Anh theo đánh giá năng lực Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) ở cấp độ A1 và tiền A2. Sinh viên có cơ hội làm quen với tất cả các kỹ năng của ngôn ngữ như: Nghe, Nói, Đọc và Viết. Những kỹ năng

này được phát triển qua các chủ điểm như: friends, shopping, food and drinks, leisure and hobbies, clothes, travel, sport, family, books and studying, language and communication… đồng thời sinh viên cũng được làm quen với các dạng đề thi ở cấp độ A2.

4. Marxism-Leninism

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cơ bản của triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng. Phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin; Nhận thức được triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Liên hệ thực tế những vấn đề có liên quan đến môn triết học Mác – Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, vận dụng sáng tạo triết học Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong thời kỳ mới; Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, nâng cao tư duy phản biện, biết phát hiện và xử lý những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.

5. Basic advanced Informatics

Điều kiện tiên quyết: Không

Sau khi học xong học phần này, học viên sẽ sử dụng được hệ điều hành Microsoft Windows; sử dụng được các ứng dụng văn phòng trong bộ Microsoft Office gồm Word, Excel và PowerPoint; sử dụng được các dịch vụ cơ bản của Internet; biết một số ứng dụng cụ thể của công nghệ thông tin và truyền thông; ngoài ra học viên còn hiểu được một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong môi trường công nghệ thông tin.

6. Introduction to Linguistics

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguồn gốc, chức năng, bản chất và sự phân loại ngôn ngữ; Cơ sở ngữ âm học; Từ vựng học và từ; Cú pháp học; Ngữ nghĩa học; Ngữ dụng học.

7. Basic Khmer language 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ viết Khmer như các kí hiệu nguyên âm (nguyên âm độc lập và không độc lập), phụ âm, chân phụ âm; quy luật ghép vần; hệ thống chữ số trong tiếng Khmer; các dấu ngữ âm cơ bản. Bước đầu rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Khmer), kĩ năng viết chính tả ở mức cơ bản.

8. Scientific research methodology

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học, một số phương pháp hoặc hướng tiếp cận trong nghiên cứu khoa học ngôn ngữ, tiến trình thực hiện một bài nghiên cứu khoa học, cách thức tóm lược và trích dẫn tài liệu tham khảo, viết

báo cáo khoa học.

9. Vietnamese in use

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp sinh viên ôn lại những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách tiếng Việt. Vận dụng lí thuyết vào thực hành hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng viết chính tả, dùng từ, viết câu, viết câu liên kết và viết đoạn văn.

10. Environment and development

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Dân số và môi trường, vấn đề ô nhiễm môi trường, về quan hệ giữa tài nguyên, môi trường và sự phát triển... Từ đó giúp sinh viên nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa con người và môi trường, góp phần bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên phục vụ phát triển bền vững.

11. Introduction to logics

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logic và logic học như lịch sử phát triển của logic học, các quy luật và hình thức của tư duy chân thực. Qua đó, giúp sinh viên hình thành các kĩ năng sử dụng, phân tích giá trị của các khái niệm, phán đoán, suy luận… một cách chính xác, khoa học; giúp người học rèn luyện ý thức, tôn trọng các quy luật, hình thức của tư duy chân thực; tôn trọng các giá trị chân thực, bác bỏ những sai lầm, ngụy biện trong quá trình tư duy.

12. Introduction to aesthetics

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về mĩ học trên ba phương diện chính: chủ thể thẩm mĩ, khách thể thẩm mĩ và nghệ thuật. Qua đó, giúp sinh viên có ý thức, kĩ năng, thái độ đánh giá, lựa chọn và sáng tạo các giá trị thẩm mĩ cho bản thân, công việc cũng như cho đời sống xã hội.

13. Introduction to psychology

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về tâm lí học. Tìm hiểu bản chất của các hiện tượng tâm lí, mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lí đó, vai trò và chức năng của tâm lí đối với hoạt động của con người.

14. Non-majored English 2

Điều kiện tiên quyết: Non-majored English 1

Học phần này, sinh viên tiếp tục làm quen với dạng đề thi A2 và tiếp tục phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ ở học phần Anh văn không chuyên 1 ở cấp độ A2 và tiền B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). Các kỹ năng này được phát triển qua những mẫu hội thoại giao tiếp và những tin nhắn, email ngắn hàng ngày qua các chủ điểm như sports, friendly people, jobs, outdoor activities, travel, past activities, facts and figures, celebration, studying,…

15. Marxist - Leninist political economy

Điều kiện tiên quyết: Marxism-Leninism

Học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức về những tri thức cơ bản về sự ra đời và phát triển của môn học kinh tế chính trị Mác – Lênin; Phân tích được nguồn gốc thực sự của giá trị, giá trị thặng dư, lợi nhuận và các hình thức biểu hiện của lợi nhuận trong kinh tế thị trường; Hiểu được những vấn đề cơ bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường, sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam; Lý giải được tính khách quan của cạnh tranh, độc quyền và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường; xu hướng khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế của thời đại; Nhận thức được nội dung khoa học của môn kinh tế chính trị Mác – Lênin và ý nghĩa của môn học đối với bản thân mỗi người lao động cũng như quản lý khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; Những tri thức của kinh tế chính trị Mác – Lênin giúp tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự nhận thức đúng các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung; Xây dựng nền tảng tư tưởng cộng sản cho những người lao động tiến bộ và yêu chuộng tự do, yêu chuộng hòa bình; củng cố niềm tin vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Kinh tế chính trị Mác – Lênin góp phần xây dựng thế giới quan khoa học về việc xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp, hướng tới giải phóng con người, xóa bỏ dần những áp bức, bất công giữa con người với con người.

16. Introduction to laws

Điều kiện tiên quyết: Không

Qua học phần này người học sẽ có được những kiến thức mang tính chất cơ sở, nền tảng về nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng. Là cơ sở để người học hoàn thiện khối kiến thức về pháp luật để có thể bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của mình, đồng thời giáo dục người học khỏi những hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến xã hội.

17. Basic Khmer language 2

Điều kiện tiên quyết: Basic Khmer language 1

Học phần này tiếp tục trang bị cho sinh viên kiến thức về chữ viết tiếng Khmer*:* cách ghép vần trong tiếng Khmer, tập trung vào các quy luật gửi chân, chồng vần, hiện tượng biến dạng, biến giọng; các dấu ngữ âm, các nguyên tắc biến âm trong tiếng Khmer; cách đọc và viết các tổ hợp phụ âm đầu; cách đọc, viết các phụ âm gốc Pali; cách viết hoa trong tiếng Khmer; đồng thời rèn luyện cho sinh viên kĩ năng đọc hiểu các văn bản ngắn, luyện kĩ năng viết chính tả, viết câu và viết đoạn ngắn; bước đầu rèn luyện cho sinh viên tư duy phản biện.

18. Sociolinguistics

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích và nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội; các vấn đề về ngôn ngữ và giai cấp, giới tính; vấn đề phương ngữ; song ngữ và đa ngữ; vấn đề giao tiếp bằng ngôn ngữ; phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội. Qua đó, giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội.

19. Language and culture

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa: trong phạm vi một dân tộc (mối quan hệ giữa văn hóa với lịch sử ngôn ngữ, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn hóa giao tiếp của một ngôn ngữ); trong phạm vi nhiều dân tộc (vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ và tiếp biến văn hóa, văn hóa và ngôn ngữ với vấn đề toàn cầu hóa, hiện tượng đa ngôn ngữ và đa văn hóa, nghệ thuật với loại hình ngôn ngữ và văn hóa). Từ đó, giúp sinh viên hiểu các đơn vị nghĩa của một ngôn ngữ được chính xác hơn, phù hợp hơn; mặt khác cũng giúp sinh viên tự ý thức, điều chỉnh hành vi ngôn ngữ, văn hóa cho phù hợp.

20. Introduction to Vietnamese culture

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức chung về văn hoá học và văn hoá Việt Nam: khái niệm văn hóa; các đặc trưng, chức năng và thành tố của văn hóa; những khái niệm cơ bản và hệ thống các thành tố văn hoá Việt Nam cùng những đặc trưng của chúng; diễn trình lịch sử văn hóa và các vùng văn hóa ở Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hoá quốc gia và văn hoá tộc người. Học phần cũng giúp sinh viên có những nhận thức đúng đắn về vai trò của văn hoá Việt Nam trong sự phát triển của cá nhân và cộng đồng.

21. Introduction to sociology

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học, gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển xã hội học; các khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, các lí thuyết và phương pháp của xã hội học. Trên cơ sở hệ thống những kiến thức cơ bản, sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội; về vị trí, vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế và tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội tổng thể.

22. Culture in communication

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giao tiếp, các kĩ năng giao tiếp căn bản, thiết yếu gắn với hoạt động nghiên cứu văn hóa trong môi trường công sở, doanh nghiệp; thực hành rèn luyện kĩ năng giao tiếp có văn hóa. Giúp sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động giao tiếp và hiệu quả của hoạt động giao tiếp.

23. Introduction to anthropology

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, cấu trúc xã hội và những nét đặc trưng văn hoá, lối sống của các tộc người, đặc biệt là các tộc người sống trên lãnh thổ Việt Nam; sự tác động qua lại của lịch sử, cơ cấu xã hội và văn hoá trong một dân tộc cũng như sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các tiểu văn hoá của các dân tộc trong một xã hội nhất định.

24. Scientific socialism

Điều kiện tiên quyết: Marxist - Leninist political economy

Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở

Việt Nam; Trang bị những phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam; Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, bồi dưỡng, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.

25. Non-majored English 3

Điều kiện tiên quyết: Non-majored English 2

Học phần này giúp sinh viên tiếp tục làm quen với dạng đánh giá năng lực ngôn ngữ theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) ở cấp độ Pre-B1, phát triển thêm ngôn ngữ và vốn từ vựng của mình. Sinh viên tiếp tục phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết qua các chủ điểm như fashion, risks, free time activities, entertainment episodes, films, happy families, aptitudes and discoveries.

26. Basic Khmer language 3

Điều kiện tiên quyết: Basic Khmer language 2

Học phần này tiếp tục rèn luyện kĩ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Khmer) ở mức độ tiền trung cấp đến trung cấp; nhận diện được các từ có gốc Pali, Sanskrit; phát triển vốn từ tiếng Khmer cho sinh viên thông qua các bài đọc hiểu; đồng thời, giúp cho sinh viên tiếp tục rèn luyện kĩ năng viết chính tả đặc biệt chú ý chính tả với các từ có gốc Pali, Sankrit; phát triển kĩ năng tư duy phản biện về các vấn đề liên quan đến bài học.

27. Khmer Phonetics

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics, Basic Khmer language 2

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về ngữ âm và âm vị học tiếng Khmer như bộ máy phát âm, đặc điểm cấu âm, vấn đề phân xuất âm tố và âm vị trong tiếng Khmer, các vấn đề về âm tiết, các hiện tượng siêu đoạn tính cũng như sự biến đổi ngữ âm trong lời nói. Ngoài ra, sinh viên còn được làm quen với kí hiệu và cách thức phiên âm quốc tế (IPA) nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu và phân tích ngữ âm Khmer nói riêng và ngôn ngữ nói chung.

28. Theory of translation

Điều kiện tiên quyết:Không

Thông qua học phần này, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản của ngành dịch thuật học như khái niệm, bản chất của dịch thuật, các loại hình dịch, phân biệt dịch nói và dịch viết (biên và phiên dịch), các vấn đề tương đương trong dịch thuật. Đặc biệt, sinh viên sẽ được tập trung nghiên cứu về các quan điểm khác nhau trong dịch thuật: quan điểm dịch dựa chính yếu vào văn bản nguồn, quan điểm dịch dựa trên tiến trình dịch, quan điểm dịch dựa trên các yếu tố ngữ học, văn hoá, và quan điểm dịch chủ đích. Từ đó sinh viên có thể vận dụng các quan điểm dịch thuật khác thực hành dịch từng thể loại văn bản khác nhau. Bên cạnh đó, các vấn đề về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong dịch thuật cũng được chú trọng nhằm trang bị cho sinh viên ý thức và cách nhìn nhận đúng đắng ngành nghề dịch thuật.

29. Computer-based Khmer text processing

Điều kiện tiên quyết: Basic advanced Informatics

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về font chữ Khmer, cách thức cài đặt font và bộ gõ chữ Khmer vào máy, xác định được các kí tự Khmer trên bàn phím,

nắm được các quy tắc khi gõ chữ Khmer thông dụng. Từ đó sinh viên có thể soạn thảo và xử lý văn bản trên máy tính bằng chữ Khmer.

30. Khmer Customs and festivals in the South

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về phong tục tập quán và văn hóa ứng xử trong cộng đồng người Khmer. Ngoài ra còn giới thiệu những đặc trưng về lễ hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào việc học tập, nghiên cứu để giữ gìn, phát huy nền văn hóa tinh thần vốn phong phú, đa dạng của người Khmer.

31. History of Khmer language

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử ngôn ngữ Khmer như: nguồn gốc ngôn ngữ của tiếng Khmer, quá trình hình thành và phát triển của tiếng Khmer qua các giai đoạn khác nhau của lịch sử: giai đoạn mới hình thành (proto Khmer); giai đoạn tiếng Khmer thời cổ đại (thời kì tiếp biến tiếng Sanskrit); giai đoạn tiếng Khmer thời trung đại (thời kì tiếp biến tiếng Pali); tiếng Khmer thời cận đại (thời kì tiếp biến các ngôn ngữ Pali và phương Tây); tiếng Khmer hiện đại (thời kì tiếp biến các ngôn ngữ phương Đông và phương Tây).

32. Civilization of Khmer

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp sinh viên nhận biết được sự hình thành và phát triển của nền văn minh Khmer qua các giai đoạn khác nhau của lịch sử, tạo cơ sở cho việc nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá Khmer.

33. Languages of the ethnic minorities of Vietnam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức chung về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: danh sách các ngôn ngữ có mặt ở Việt Nam, bức tranh chung về các dân tộc thiểu số và tình trạng ngôn ngữ văn hoá các dân tộc thiểu số; bức tranh địa lí - xã hội ngôn ngữ học liên quan đến ngôn ngữ các dân tộc thiểu số; quan hệ cội nguồn của các ngôn ngữ; một số khái niệm và một vài nội dung cơ bản nhất về ngôn ngữ học xã hội được đặt ra khi tiếp cận với vùng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Qua đó, người học bước đầu nắm được phương pháp xử lí, nội dung xã hội ngôn ngữ học được đặt ra trong tình hình thực tế hiện nay của vùng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam, giúp cho người học có định hướng nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số, nhìn nhận về chính sách của Nhà nước Việt Nam về vùng văn hoá các dân tộc thiểu số.

34. Non-majored English 4

Điều kiện tiên quyết: Non-majored English 3

Học phần cuối này giúp sinh viên phát triển thêm kiến thức ngôn ngữ và những trải nghiệm sử dụng ngôn ngữ của mình ở bậc B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). Sinh viên thể hiện năng lực ngôn ngữ qua các chủ điểm như friends, self-discoveries, persuading people, travellers' tales, celebrities, eating out and choices; đồng thời sinh viên cũng sẽ làm quen dạng đề thi đánh giá năng lực theo Khung tham chiếu Âu (CEFR).

35. Ho Chi Minh's Thought

Điều kiện tiên quyết: Scientific socialism

Học phần này trang bị kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học, phân tích cơ sở, quá trình hình thành phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Trình bày, phân tích được các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; Giải thích vì sao Đảng ta lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Liên hệ thực tế giải quyết một số vấn đề liên quan đến môn học; Nâng cao lòng tự hào và kính trọng đối với Bác Hồ kính yêu; Nâng cao hiểu biết về Tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh trong sự phát triển toàn diện của đất nước. Đồng thời thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

36. Advanced Khmer language 1

Điều kiện tiên quyết: Basic Khmer language 3

Học phần tiếp tục giúp sinh viên rèn luyện, tích hợp kĩ năng ngôn ngữ Khmer (nghe, nói, đọc, viết) theo chủ đề ở mức độ trung cấp. Sinh viên tiếp cận và phát triển các kĩ năng học từ vựng ở mức độ cao hơn như đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, nhận diện nghĩa của từ thông qua tiền tố, căn tố,… Độ khó và độ dài của các bài đọc hiểu được tăng dần theo hướng học thuật. Sinh viên sẽ được bồi dưỡng và trau dồi thêm kĩ năng lập luận khoa học làm cơ sở cho việc phát triển kĩ năng nói và viết. Ngoài ra, giúp cho sinh viên rèn luyện kĩ năng viết chính tả, kĩ năng trình bày và bảo vệ ý kiến cá nhân trước đám đông, kĩ năng tư duy phản biện.

37. Basic Pali

Điều kiện tiên quyết: Basic Khmer language 3

Học phần giới thiệu cho sinh viên hệ thống từ vựng Khmer qua các chủ điểm với các hình thức đọc hiểu văn bản chuyên sâu như: Khoa học và xã hội; Khoa học nông nghiệp; Khoa học kinh tế; Luật học;...

38. Khmer grammar

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp Khmer: từ loại trong tiếng Khmer, các loại cụm từ trong tiếng Khmer; các thành phần chính, thành phần phụ trong câu tiếng Khmer; các loại câu chia theo cấu trúc, mục đích phát ngôn; hệ thống dấu câu trong tiếng Khmer. Từ đó giúp sinh viên nhận biết và sử dụng đúng từ loại, tạo lập cụm từ đúng quy tắc cấu tạo, viết câu đúng cấu trúc, đúng mục đích giao tiếp, sử dụng đúng dấu câu khi viết.

39. Translation practice 1

Điều kiện tiên quyết : Theory of translation

Học phần này giúp sinh viên ứng dụng lí thuyết dịch để rèn luyện các kĩ thuật dịch văn bản Khmer - Việt, Việt - Khmer ở mức độ đơn giản đến phức tạp. Sinh viên sẽ được làm quen với các kĩ thuật dịch thông dụng đồng thời rèn luyện kĩ năng xử lí các tình huống trong dịch thuật như dịch danh từ riêng, dịch thuật ngữ chuyên ngành hoặc dịch trong trường hợp không có sự tương đương về ngôn từ, ý niệm hoặc văn hoá giữa hai ngôn ngữ. Từ đó, sinh viên sẽ được rèn luyện kĩ năng diễn đạt, kĩ năng tìm hiểu và xác định thông

tin, kĩ năng tạo lập từ hoặc thuật ngữ mới; đồng thời nâng cao vốn từ vựng và kiến thức tổng quát cho bản thân người học.

40. Ancient Khmer script

Điều kiện tiên quyết: Basic Khmer language 3

Học phần giúp sinh viên nhận dạng các nét chữ và cách đọc chữ Khmer cổ trên các bia kí và lá buông qua các thời kì: thời cổ đại, thời trung đại và thời cận đại. Từ đó, giúp sinh viên thấy được quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ Khmer nói chung và chữ Khmer nói riêng, so sánh đặc điểm chữ viết qua các thời kì. Thông qua đó, sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn ngôn ngữ và văn hoá Khmer trên các cứ liệu cổ.

41. Language Typology

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về loại hình ngôn ngữ: các hướng nghiên cứu chính trong loại hình học; những vấn đề cơ bản về phân loại các loại hình ngôn ngữ như cơ sở phân loại, đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ; các cách phân loại của loại hình học cổ điển và loại hình học hiện đại (quan niệm, tiêu chí, kết quả phân loại, ưu điểm và hạn chế); khái niệm phổ niệm ngôn ngữ, phương pháp xây dựng phổ niệm ngôn ngữ, đặc điểm của các loại phổ niệm ngôn ngữ và cách thức biểu hiện chúng. Từ đó, sinh viên vận dụng xác định các đặc điểm loại hình của tiếng Khmer, vị trí của tiếng Khmer trong loại hình ngôn ngữ đơn lập.

42. Linguistics and methodology in teaching and learning foreign language

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học phần cung cấp cho sinh viên những ứng dụng cơ bản của ngôn ngữ học trong giảng dạy ngôn ngữ nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng. Sinh viên sẽ được giới thiệu khái quát về các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ đã được sử dụng phổ biến như phương pháp truyền thống: phương pháp ngữ pháp - dịch; phương pháp trực tiếp, nghe nói, nghe nhìn, cấu trúc tổng thể nghe nhìn; đường hướng giao tiếp, hành động. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những ưu điểm của từng phương pháp vào việc giảng dạy tiếng Khmer.

43. Applied Linguistics

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như các khái niệm, đối tượng, phạm trù nghiên cứu của ngành ngôn ngữ học ứng dụng. Tìm hiểu một số nghiên cứu ứng dụng của ngôn ngữ về lĩnh vực giáo dục, tâm lí ngôn ngữ, ngôn ngữ truyền thông, ngôn ngữ tiếp thị thương mại, ngôn ngữ và tiếp thị xã hội.

44. Literary language

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ văn chương Việt Nam; ngôn ngữ văn chương và các đặc trưng của ngôn ngữ văn chương; vai trò của ngôn từ trong tác phẩm văn chương; phương pháp tiếp cận tác phẩm văn chương. Từ đó, môn học giúp sinh viên cảm nhận vẻ đẹp của văn chương và vận dụng vào việc nghiên cứu, viết văn.

45. History of the Communist Party of Vietnam

Điều kiện tiên quyết: Ho Chi Minh's Thought

Học phần trang bị các kiến thức về những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ giành chính quyền và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ; trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành đổi mới. Những phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, bồi dưỡng, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng.

46. Advanced Khmer language 2

Điều kiện tiên quyết: Advanced Khmer language 1

Học phần phát triển kĩ năng ngôn ngữ Khmer (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên theo chủ đề ở mức độ trung – cao cấp, sinh viên được chú trọng phát triển vốn từ học thuật tiếng Khmer thông qua các bài đọc hiểu; trang bị các kĩ năng đọc hiểu văn bản ở mức độ tư duy cao, đòi hỏi sự phân tích, tổng hợp, suy luận và tư duy phản biện ở mức độ cao. Các bài đọc hiểu được hướng vào nội dung chuyên sâu thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, tiếp tục được rèn luyện các kĩ năng viết chính tả, kĩ năng lập luận, thảo luận và trình bày chính kiến về các chủ đề đang học.

47. Khmer Lexicology

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về từ vựng học tiếng Khmer: các khái niệm cơ bản như hình vị, từ, từ vựng, địa danh học, từ nguyên học, thành ngữ, quán ngữ ….; các phương thức cấu tạo từ và các loại từ theo cấu tạo; lớp từ vay mượn và nguyên tắc vay mượn; mối quan hệ giữa từ và hiện thực khách quan; nghĩa của từ và các hiện tượng biến đổi nghĩa của từ; các lớp từ trong tiếng Khmer. Từ đó, sinh viên có thể dùng từ một cách chính xác, phù hợp trong giao tiếp, học tập và nghiên cứu.

48. Khmer semantics

Điều kiện song hành: Khmer Lexicology

Học phần giúp sinh viên xác định quá trình phát triển và những khái niệm cơ sở của ngữ nghĩa học; các thành tố nghĩa của từ như: nghĩa biểu niệm, nghĩa biểu vật, nghĩa biểu thái, nghĩa liên tưởng; hiện tượng biến đổi nghĩa của từ, quan hệ ngữ nghĩa của các từ; nghĩa của câu: nghĩa miêu tả, nghĩa tình thái, nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn. Ngoài ra môn học còn rèn luyện cho sinh viên những thủ pháp và thao tác ứng dụng vào phân tích ngữ nghĩa trong tiếng Khmer.

49. Translation practice 2

Điều kiện tiên quyết : Translation practice 1

Học phần ôn lại các kiến thức về các loại hình biên dịch, kĩ thuật biên dịch; tiếp tục phát triển các kĩ năng sử dụng từ vựng và tránh những sai lầm khi thực hành biên dịch ở từng thể loại văn bản. Sinh viên được thực hành biên từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại các văn bản chuyên sâu về các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, kĩ thuật, nghề nghiệp,…

50. Khmer writing 1

Điều kiện tiên quyết: Advanced Khmer language 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đoạn văn như cấu trúc đoạn văn, các kiểu lập luận trong đoạn văn; thể loại văn miêu tả, kể chuyện. Từ đó, sinh viên vận dụng thực hành viết các kiểu đoạn văn hoàn chỉnh; làm bài văn miêu tả, kể chuyện.

51. Language in journalism

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý thuyết chung về báo chí: các khái niệm cơ bản, phong cách ngôn ngữ báo chí, các kiểu truyền thông, quy trình truyền thông và chỉ số thông tin; các đặc trưng của ngôn ngữ báo chí, đặc điểm của các phương tiện diễn đạt, các nguyên tắc của ngôn ngữ báo chí; cách thức viết bản tin, một bài báo. Từ đó, sinh viên vận dụng lí thuyết vào thực hành viết bài báo.

52. Field Linguistics

Điều kiện tiên quyết: Scientific research methodology, Khmer Phonetics

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cần thiết cho việc điều tra điền dã ngôn ngữ học tại thực địa như: vai trò và mục đích của phương pháp nghiên cứu điền dã, vấn đề chuẩn tắc đạo đức liên quan đến điền dã, lập kế hoạch điền dã, tiến hành thu thập ngữ liệu và xử lí ngữ liệu sau điền dã.

53. Tourism

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về hoạt động lữ hành và yêu cầu, đặc điểm của nghề hướng dẫn du lịch; qui trình hướng dẫn du lịch từ công tác chuẩn bị, phục vụ đoàn và hoàn thành thủ tục kết thúc chương trình du lịch; trang bị các phương pháp hướng dẫn tham quan và thuyết minh du lịch đồng thời học phần còn đề cập đến những nguyên tắc chung trong xử lí tình huống và đưa ra một số tình huống trong du lịch thường gặp để sinh viên thực hành kĩ năng. Từ đó hướng sinh viên có quan niệm đúng đắn về nghề hướng dẫn viên du lịch, rèn luyện kĩ năng chăm sóc khách hàng trong du lịch.

54. Office works

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về văn phòng và một số nghiệp vụ cơ bản của công tác văn phòng. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị những kiến thức, kĩ năng cần thiết cho một nhân viên văn phòng.

55. Events organization

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về hoạt động tổ chức sự kiện; những nguyên tắc xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện và dự toán ngân sách sự kiện; quy trình tổ chức sự kiện từ khâu chuẩn bị đến tổ chức, điều hành các hoạt động diễn ra trong sự kiện. Trên cơ sở đó, sinh viên tiến hành xây dựng chương trình và tổ chức một số sự kiện. Hình thành cho sinh viên tính cẩn thận, tỉ mỉ trong từng thao tác tổ chức sự kiện và nâng cao khả năng làm việc nhóm.

56. Presentation skills

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về thuyết trình và nói chuyện trước đám đông, phương pháp nói chuyện trước đám đông, tạo dựng sự tự tin khi thuyết trình và nói chuyện trước đám đông,… Từ đó giúp cho sinh viên có thể diễn đạt ý tưởng của mình trước tập thể với phong cách tự tin, thuyết phục và khoa học.

57. Skills of critical thinking

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị những kiến thức về các loại hình tư duy, đặc biệt là tư duy phản biện nhằm giúp sinh viên hình thành kĩ năng phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, có hệ thống và mang tính khoa học. Từ đó giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt kĩ năng tư duy vào học tập, đời sống giao tiếp và công việc sau này.

58. Khmer writing 2

Điều kiện tiên quyết: Khmer writing 1

Học phần trang bị cho sinh viên kĩ năng tìm ý và lập dàn ý; cấu trúc, đặc điểm và kĩ năng viết các bài văn nghị luận thuộc các thể loại nghị luận xã hội như giải thích, chứng minh và bình luận; kĩ năng viết thuyết minh với các chủ đề về du lịch, văn hóa,.... Từ đó rèn cho sinh viên kĩ năng nhạy bén trong việc xử lí tình huống qua các bài luận và mạnh dạn đưa ra lí lẽ thuyết phục người khác.

59. Advanced Khmer language 3

Điều kiện tiên quyết: Advanced Khmer language 2

Học phần tiếp tục phát triển kĩ năng ngôn ngữ Khmer cho người học. Giới thiệu cho sinh viên hệ thống từ vựng Khmer qua các chủ điểm với các hình thức đọc hiểu văn bản chuyên sâu như: Khoa học và xã hội; Khoa học nông nghiệp; Khoa học kinh tế; Luật học;...

60. Translation practice 3

Điều kiện tiên quyết: Translation practice 2

Học phần này tập trung chủ yếu rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng phiên dịch (bên cạnh biên dịch) Khmer - Việt và Việt - Khmer ở mức độ tương đối phức tạp đến phức tạp. Sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kĩ năng ghi nhớ thông tin, kĩ năng ghi tốc ký, kĩ năng phân tích và tổng hợp thông, kĩ năng xử lí tình huống có thể xảy trong dịch thuật, kĩ năng nghe hiểu và diễn đạt thông tin và kĩ năng giao tiếp.

61. Contrastive linguistics

Điều kiện tiên quyết: Khmer Phonetics, Khmer Lexicology

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: khái niệm, quá trình phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu, những ứng dụng về mặt lí thuyết và thực tiễn; các nguyên tắc, phương pháp đối chiếu các ngôn ngữ và các bình diện nghiên cứu đối chiếu. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào nghiên cứu đối chiếu giữa các ngôn ngữ trong nước và ngôn ngữ phổ biến trên thế giới.

62. Pragmatics

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ dụng học: đối tượng, nhiệm vụ; về lí thuyết hành vi ngôn ngữ, lí thuyết hội thoại, lí thuyết lập luận. Bên cạnh đó, học phần còn gợi mở những hướng tiếp cận mang tính dụng học trong việc nghiên cứu tiếng Khmer.

63. Skills of career approach and development

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản như: nhận biết được tầm quan trọng của kĩ năng mềm trong cuộc sống và trong công việc, định hướng được nghề nghiệp cho bản thân. Đồng thời cũng hướng dẫn cho người học cách chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc gây ấn tượng với nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học lập kế hoạch và viết được các bản báo cáo thông dụng. Ngoài ra môn học cũng cung cấp cho người học cách để rèn luyện những kĩ năng giao tiếp tốt nơi công sở. Qua việc học những nội dung trên, người học sẽ có được những kiến thức, những kỹ năng cơ bản cũng như hình thành được thái độ tích cực và nghiêm túc trong việc tiếp cận và phát triển nghề nghiệp sau này.

64. Language research project

Điều kiện tiên quyết: Khmer Phonetics, Khmer Lexicology, Khmer grammar

Học phần giúp sinh viên có cơ hội làm quen với công tác nghiên cứu khoa học ngôn ngữ một cách thực thụ. Sinh viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ học mà mình quan tâm. Đây là cơ hội để sinh viên vận dụng những kiến thức đã học về ngôn ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn học tập, từ đó giúp sinh viên bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học ngôn ngữ học.

65. Khmer dialectology

Điều kiện tiên quyết: Khmer Phonetics, Khmer Lexicology

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lí luận về phương ngữ học: thuật ngữ cơ bản; vấn đề phân định ngôn ngữ, phương ngữ và thổ ngữ, các biến thể ngôn ngữ; phân loại phương ngữ: phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội; một số phương pháp nghiên cứu phương ngữ; vấn đề phân vùng phương ngữ Khmer và các đặc điểm về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc của phương ngữ Khmer. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào nghiên cứu phương ngữ nói chung và phương ngữ Khmer nói riêng.

66. Idiom studies and Khmer idioms

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thành ngữ Khmer như: khái niệm, các sự kiện tương đồng, tương cận của thành ngữ Khmer, hình thái và chức năng của thành ngữ Khmer; phân loại thành ngữ xét về mặt kết cấu và trên bình diện chức năng – nghĩa của thành ngữ. Từ đó vận dụng vào phân tích một số thành ngữ Khmer.

67. Khmer morphology

Điều kiện tiên quyết: Khmer Lexicology

Cung cấp các quy tắc biến hình của từ, các phương thức cấu tạo từ và đặc tính ngữ pháp của từ loại để từ đó sinh viên vận dụng vào việc xác định phương thức cấu tạo từ trong tiếng Khmer.

68. Khmer syntax

Điều kiện tiên quyết: Khmer grammar

Cung cấp cho sinh viên những học thuyết quan trọng trong ngôn ngữ học hiện đại như thuyết ngữ pháp tạo sinh, thuyết biến thể phạm trù để từ đó ứng dụng và việc xác định từ

loại, cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Khmer; phân tích mối quan hệ giữa từ trong cấu trúc câu cũng như quan hệ ngữ nghĩa trong câu. Bên cạnh đó sinh viên còn được rèn luyện các kĩ năng phân tích câu thông qua các dạng sơ đồ khác nhau.

69. Cognitive Linguistics

Điều kiện tiên quyết: Introduction to Linguistics

Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức chung về ngôn ngữ học tri nhận: sự ý niệm, điển dạng, các phạm trù tri nhận; những sự khác biệt trong các mô hình về thế giới; nguyên lí "dĩ nhân vi trung"; các hình thức phản ánh, định hướng không gian và biểu đạt chúng trong ngôn ngữ; khảo sát các bản đồ tri nhận không gian của một ngôn ngữ. Từ đó, môn học giúp sinh viên có cơ sở để lí giải các phương thức định danh của từ, hiểu và giải thích nghĩa của từ một cách rõ ràng, chắc chắn.

70. Graduation internship

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tổ chức cho sinh viên tiếp cận với thực tế nghề nghiệp, như: nhân viên văn phòng, biên phiên dịch, nghiên cứu,… để bổ sung kiến thức, kinh nghiệm cũng như rèn luyện, phát triển kĩ năng giao tiếp tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công đồng, ngôn ngữ và văn hoá Khmer. Từ đó giúp sinh viên định hướng đúng đắn và có thái độ tích cực cho nghề nghiệp trong tương lai.

71. Graduation thesis

Điều kiện tiên quyết: Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành

Học phần giúp sinh viên củng cố các kiến thức chuyên ngành và cơ cở ngành thuộc chương trình đào tạo. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên môn để thực hiện nghiên cứu chuyên sâu một đề tài cụ thể thuộc chuyên ngành ngôn ngữ Khmer, qua đó hình thành kỹ năng xử lý các thông tin, số liệu, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc nghiên cứu.

72. Lexicography

Điều kiện tiên quyết: Khmer Lexicolog, Khmer semantics

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ điển và từ điển học, lịch sử hình thành từ điển; loại hình và cấu trúc của từng loại từ điển; các phương pháp biên soạn từ điển; một số vấn đề chung về từ điển tiếng Khmer; khảo sát một số từ điển Việt - Việt, Khmer - Khmer, Việt - Khmer, Khmer - Việt, Khmer - Anh, Anh - Khmer; từ đó giúp sinh viên nhận biết, đánh giá, lựa chọn được từ điển tốt; hình thành cho sinh kĩ năng biên soạn từ điển.

73. Ethnic cultural language policy in Vietnam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp sinh viên ý thức về vai trò của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, tiếng Việt đối với sự phát triển xã hội của các dân tộc thiểu số; nhìn nhận chính sách ngôn ngữ văn hóa dân tộc ở Việt Nam trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới.

74. Khmer language stylistics

Điều kiện tiên quyết: Advanced Khmer language 3

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự hình thành và phát triển của phong cách học tiếng Khmer; phân biệt đặc điểm của các phong cách chức năng như phong cách khẩu ngữ, phong cách hành chính, phong cách khoa học, phong cách báo chí, phong cách chính luận và phong cách văn chương; kiến thức về các phương tiện, biện pháp tu từ trong tiếng Khmer. Từ đó giúp sinh viên sử dụng tiếng Khmer đúng phong cách, sử dụng các phương tiện và biện pháp tu từ để nâng cao hiệu quả giao tiếp cho văn bản.